

Bản án số: 73/2021/HN-ST

Ngày: 25-02-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ván;
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 343/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Chị Mai Phương T, sinh năm 1984; Có yêu cầu xét xử vắng mặt

Đăng ký thường trú: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Hiện đang cư trú: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Anh Trần Văn K, sinh năm 1984; Vắng mặt

Nơi cư trú: ấp P, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải ngày 24/11/2020 nguyên đơn chị Mai Phương T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn K tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chợ Lách vào ngày 21/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K ăn chơi, cờ bạc, không lo

làm ăn từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cả hai không còn tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng. Mặc dù chị đã nhiều lần cho anh K cơ hội sửa đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K vẫn không thay đổi. Hiện chị đã về nhà cha mẹ ruột tại ấp Thanh Xuân, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre sinh sống hai năm nay, còn anh K vẫn sống tại ấp P, xã H, huyện Chợ Lách. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn K và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 04/02/2015 và Trần Tuấn K, sinh ngày 07/11/2016, hiện con chung đang sống chung với anh K. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Minh K, còn Trần Tuấn K chị đồng ý để cho anh K nuôi. Chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải ngày 24/11/2020 bị đơn anh Trần Văn K trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn theo như lời trình bày của chị T là đúng. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh thừa nhận là do trước đây anh có ăn chơi, cờ bạc nhưng nay anh đã sửa đổi lo làm ăn. Hiện anh vẫn còn thương chị T và muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau lo cho con nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị T muốn ly hôn thì tự đơn phương ly hôn, anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 04/02/2015 và Trần Tuấn K, sinh ngày 07/11/2016, hiện con chung đang sống chung với anh. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Trần Tuấn K, còn Trần Minh K anh đồng ý để chị T nuôi, anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; còn bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2

Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

+ Về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Minh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Trần Tuấn K cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh K, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

+ Về nợ chung: Chị T, anh K khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Mai Phương T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị T.

Bị đơn anh Trần Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh K tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh K; còn anh K xác định vẫn còn thương chị T nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh K thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã có khoảng thời gian sống ly thân từ 02 năm nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho anh, chị suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng mà hiện tại cả hai không còn quan tâm đến đời sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng chị T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh K. Điều đó cho thấy tình trạng

mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh K là phù hợp theo quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, chị T và anh K có 02 con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 04/02/2015 và Trần Tuấn K, sinh ngày 07/11/2016 hiện đang sống chung với anh K. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Trần Minh K, còn cháu K chị T đồng ý để anh K nuôi; chị T và anh K đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị T là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu Khải; nên việc giao con chung tên Trần Minh K cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu K cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T, anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Nợ chung: Chị T và anh K khai không có nên không xét đến.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về vấn đề hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Văn K. Cụ thể tuyên:

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Văn K. Ghi nhận chị T, anh K không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con:

Buộc anh Trần Văn K phải có nghĩa vụ giao con chung tên Trần Minh K, sinh ngày 04/02/2015 cho chị Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn K được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 07/11/2016;

Chị Nguyễn Thị T, anh Trần Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T, anh K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Trong trường hợp anh K hoặc chị T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì anh K, chị T có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người có hành vi vi phạm.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của anh K, chị T hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung: Chị T, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4/. Nợ chung: Chị T, anh K khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004419 ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí.

6/. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Chí Hậu

